

PHỤ LỤC

Cấp gạo dự trữ quốc gia cho Nhân dân trong dịp đón Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên Đơn vị	Dịp Tết Nguyên Đán năm 2026				
		Số hộ (hộ)	Số khẩu (người)	Số tháng	Mức hỗ trợ/khẩu/tháng (kg)	Tổng số gạo đề nghị (kg)
A	B	4	5	6	7	8
1	Xã Bình Hiệp	169	220	1	15	3.300
2	Xã Ân Tường	164	309	1	15	4.635
3	Xã Bình Phú	83	213	1	15	3.195
4	Xã Bình Khê	224	402	1	15	6.030
5	Phường An Nhơn Bắc	390	789	1	15	11.835
6	Xã Tuy Phước Tây	267	563	1	15	8.445
7	Xã Canh Liên	79	248	1	15	3.720
8	Xã Canh Vinh	58	105	1	15	1.575

9	Phường Hoài Nhơn Đông	36	84	1	15	1.260
10	Xã Kim Sơn	265	678	1	15	10.170
11	Xã Hội Sơn	223	408	1	15	6.120
12	Xã An Hòa	153	261	1	15	3.915
13	Xã Tây Sơn	231	439	1	15	6.585
14	Xã Ngô Mỹ	341	1.026	1	15	15.390
15	Xã Phù Mỹ Bắc	796	1.153	1	15	17.295
16	Xã Ia Lâu	134	476	1	15	
17	Xã Hra	122	493	1	15	7.395
18	Xã Đăk Song	156	717	1	15	10.755
19	Ia Boong	151	554	1	15	8.310
20	Chư Păh	135	402	1	15	6.030
21	Xã Ayun	92	326	1	15	4.890
22	Phường Hội Phú	401	1.207	1	15	18.105
23	Xã Ia Băng	226	895	1	15	13.425
24	P. An Bình	83	208	1	15	3.120

25	Xã Đak Pơ	251	742	1	15	11.130
26	Xã Kon Gang	126	518	1	15	7.770
27	Xã Krong	110	367	1	15	5.505
28	Xã Mang Yang	160	533	1	15	7.995
29	Xã Chư Krey	93	474	1	15	7.110
30	Xã Ia O	81	323	1	15	4.845
31	Xã KDang	84	274	1	15	4.110
32	Xã Đak Somei	75	327	1	15	4.905
33	Xã Ia Hrun	88	300	1	15	4.500
34	Xã Ia Tôr	78	288	1	15	4.320
35	Xã Ia Ly	172	578	1	15	8.670
36	Xã Ia Sao	11	29	1	15	435
37	Xã Ia Pa	145	556	1	15	8.340
38	Xã Đak Đoa	135	528	1	15	7.920
39	Xã Ya Ma	124	598	1	15	8.970
40	Xã Ya Hội	107	440	1	15	6.600
41	Xã Ia Dreh	193	805	1	15	12.075

42	Xã Chư Sê	242	937	1	15	14.055
43	Xã Chư Prông	220	854	1	15	12.810
44	Xã Ia Pia	161	604	1	15	9.060
45	Xã Biển Hồ	577	2.124	1	15	31.860
46	Xã Chư Puh	126	637	1	15	9.555
47	Xã Ia Rsai	148	565	1	15	8.475
48	Xã Ia Khuol	291	1.304	1	15	19.560
49	Xã Kbang	110	299	1	15	4.485
50	Xã Sơn Lang	74	269	1	15	4.035
51	Xã Ia Grai	110	359	1	15	5.385
52	Xã Ia Krái	240	793	1	15	11.895
53	Xã Ia Phí	310	1.163	1	15	17.445
54	Xã Ia Le	103	406	1	15	6.090
55	Xã Tơ Tung	89	232	1	15	3.480
56	Xã Bàu Cạn	254	801	1	15	12.015
57	Xã Gào	205	765	1	15	11.475
58	Xã Ia Hiao	300	1.226	1	15	18.390

59	Xã Ia Puch	41	164	1	15	2.460
60	Xã Lor Pang	227	907	1	15	13.605
61	Xã Ia Ko	340	1.494	1	15	22.410
62	Xã Phú Thiện	649	2.713	1	15	40.695
63	Xã Bờ Ngoong	146	609	1	15	9.135
64	Xã Uar	108	424	1	15	6.360
65	Xã Phú Túc	235	950	1	15	14.250
66	Chư A Thai	171	569	1	15	8.535
67	Xã Al Bá	102	438	1	15	6.570
68	Kông Bờ La	245	588	1	15	8.820
69	Xã Kong Chro	229	1.063	1	15	15.945
70	Xã Ia Krêl	201	804	1	15	12.060
71	Xã Ia Hnú	213	1.047	1	15	15.705
72	Xã Ia Chía	172	806	1	15	12.090
73	Xã Ia Pnôn	44	179	1	15	2.685
74	P. An Phú	16	63	1	15	945

75	Xã Đức Cơ	129	547	1	15	8.205
76	Xã Ia Đok	144	455	1	15	6.825
77	Xã Kon Chiêng	59	228	1	15	3.420
78	Xã Ia Mơ	62	239	1	15	3.585
79	Xã Ia Nan	38	160	1	15	2.400
80	Xã Sró	56	302	1	15	4.530
TỔNG CỘNG		14.199	47.943			719.145

